ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49 /2024/QĐ-UBND	*Bình Thuận, ngày 28 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 174/TTr-SNN ngày 23 tháng 10 năm 2024; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 262/BC-STP ngày 23 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh;

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định tại Quyết định này;

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác

Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật chuyên ngành về đất đai, trồng trọt thì phải đảm bảo các tiêu chí, điều kiện bao gồm:

1. Chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa là đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên thì phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; không làm ảnh hưởng đến canh tác đối với diện tích đất trồng lúa liền kề;

2. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư thì phải có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về lựa chọn

nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, các pháp luật khác có liên quan và hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ những trường hợp pháp luật hiện hành không quy định).

Điều 4. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác

Việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật chuyên ngành về đất đai, lâm nghiệp thì phải đảm bảo các tiêu chí, điều kiện bao gồm:

1. Đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất mà trên đất có rừng trồng, rừng tự nhiên đủ tiêu chí thành rừng thì phải có đầy đủ hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

2. Chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư thì phải có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, các pháp luật khác có liên quan và hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ những trường hợp pháp luật hiện hành không quy định).

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân liên quan hoàn thiện hồ sơ phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định và chức năng nhiệm vụ được giao; cung cấp thông tin cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (đối với hồ sơ của tổ chức), cấp huyện (đối với hồ sơ của cá nhân) kiểm tra, rà soát đảm bảo tiêu chí, điều kiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định này;

c) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân liên quan hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định và chức năng nhiệm vụ được giao; cung cấp thông tin cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (đối với hồ sơ của tổ chức), cấp huyện (đối với hồ sơ của cá nhân) kiểm tra, rà soát đảm bảo tiêu chí, điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Rà soát, hướng dẫn các dự án đầu tư thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác đối với dự án đầu tư đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp quy định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

3. Các sở, ngành có liên quan: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành khi có đề nghị.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Thực hiện đầy đủ các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai và quản lý, sử dụng rừng tại địa phương theo đúng quy định pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng và sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt.

c) Xác định đối tượng, tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân; chỉ đạo thực hiện hồ sơ thủ tục theo đúng quy định tại Quyết định này và quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, phát sinh, ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành có liên quan và chủ đầu tư kịp thời phản ánh, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở ngành liên quan tổng hợp, nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 11 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Đài PT - TH Bình Thuận; Báo Bình Thuận;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hải